



Thứ hai, ngày 21 tháng 1 năm 2019

Vietnam Daily Review

Tăng điểm tích cực

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 22/1/2019		•	
Tuần 21/1-25/1/2019		•	
Tháng 1/2019		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index tăng nhẹ trong phiên sáng, đà tăng được củng cố trong phiên chiều.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm CTG (+1.42 điểm); BID (+1.2 điểm); VCB (+1.09 điểm); GAS (+0.87 điểm); MBB (+0.82 điểm)
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm HNG (-0.18 điểm); VNM (-0.1 điểm); MWG (-0.09 điểm); DPM (-0.07 điểm); MSN (-0.07 điểm)
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu ngân hàng và thủy sản, thanh khoản tăng nhẹ so với phiên hôm qua.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 2182.6 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 8.65 điểm. Thị trường có 160 mã tăng và 136 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 8.75 điểm, đóng cửa tại 911.05 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index tăng 1.81 điểm lên 103.37 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 30.12 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VIC (24.04 tỷ), SSI (14.48 tỷ) và VJC (11.22 tỷ). Bên cạnh đó, họ cũng bán ròng 1.53 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Chỉ số VN-Index trong phiên sáng tăng nhẹ do lực mua tập trung ở nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng và dầu khí như CTG, GAS, VCB, BID và PLX. Trong phiên chiều, chỉ số tiếp tục đà tăng so với phiên sáng do lực mua tiếp tục tăng mạnh ở các mã CTG, BID, VCB, GAS, MBB và sự đảo chiều tăng điểm của VIC, VHM và BVH. Khối ngoại bán ròng và thanh toán khoản tăng nhẹ so với phiên hôm qua. Theo quan điểm của BSC, thị trường có phiên tăng điểm và vượt mốc tâm lý 910 điểm do kết quả kinh doanh nhóm ngành ngân hàng năm 2018 tích cực và quan điểm nói room ngoại từ phát biểu của Thủ tướng Chính phủ cũng giá dầu thế giới tiếp tục tăng. Nhà đầu tư nên xem xét diễn biến kinh tế thị trường thế giới và trong nước đặc biệt là sự kiện Brexit trong đêm nay để có thể mở vị thế ngắn hạn.

Phân tích kỹ thuật: MPC_ Tăng giá ngắn hạn

(Vui lòng tải và xem trang 2)

Dự báo VN30

(Vui lòng tải và xem trang 3)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX **911.05**
Giá trị: 2182.7 tỷ **8.75 (0.97%)**
Khối ngoại (ròng): -30.12 tỷ

HNX-INDEX **103.37**
Giá trị: 431.73 tỷ **1.81 (1.78%)**
Khối ngoại (ròng): -1.53 tỷ

UPCOM-INDEX **53.37**
Giá trị: 234.86 tỷ **0.11 (0.21%)**
Khối ngoại (ròng): 10.15 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	53.7	-0.24%
Giá vàng	1,279	-0.23%
Tỷ giá USD/VND	23,200	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	26,366	-0.21%
Tỷ giá JPY/VND	21,160	0.12%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	3.9%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTD	38.2	VIC	24.0
VHM	10.6	SSI	14.5
STB	10.5	VJC	11.2
POW	6.4	DXG	9.0
NT2	3.5	CII	8.1

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Dự báo VN30	Trang 3
Danh mục khuyến nghị	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

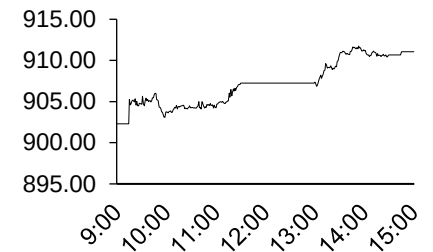
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
TCH	0.8	17.8	15.95	22.00	MUA	Giảm giá kéo dài
AAA	1.2	14.4	13.80	43753	NGỪNG MUA	Giảm giá kéo dài
REE	0.4	32.7	29.45	33.90	NGỪNG MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
DIG	0.5	16.2	14.25	16.00	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
MSN	0.9	80.8	75.50	88.20	NGỪNG MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
ROS	3.9	35.4	34.85	43.50	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
VGC	2.2	19.4	17.20	20.17	MUA	Tăng giá kéo dài
VNM	1.6	133.8	120.00	135.40	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
CTG	9.5	19.5	17.70	19.25	NGỪNG MUA	Giảm giá kéo dài
HPG	2.5	29.6	28.95	31.45	MUA	Giảm giá kéo dài

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

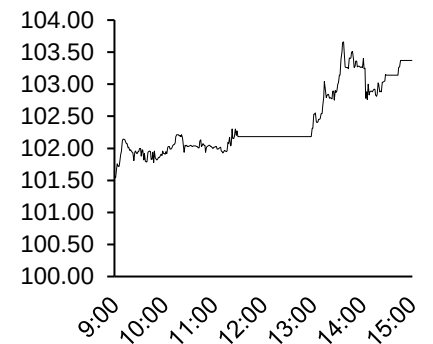
Phân tích kỹ thuật

MPC_Tăng giá ngắn hạn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá ngắn hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD hướng lên.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, phá kênh Bollinger trên.
- Đường MA: MA20 đang hướng tới MA200 và MA50.

Nhận định: MPC đã xác lập mô hình tăng giá khá mạnh với vùng hỗ trợ tại mức giá 38. Thanh khoản phiên các phiên giao dịch gần đây duy trì ở mức trung bình 20 phiên cho thấy đà tăng vẫn tiếp tục. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều ủng hộ xu hướng tăng ngắn hạn, nhưng vận động đường RSI sắp tăng đến vùng quá mua cũng báo hiệu xu hướng tăng có thể đảo chiều. Đặc biệt khi cổ phiếu tiến tới vùng kháng cự tại giá 48 tương đương với mức fibonacci 23.8%. Xu hướng vận động 3 đường MA cho thấy cổ phiếu đang trong đà hồi phục ngắn hạn. Như vậy, MPC có thể sẽ đảo chiều điều chỉnh khi chạm vùng kháng cự mạnh 48-50.



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1901	862.0	2.5%	5.7%
VN30F1903	861.0	2.3%	822.0%
VN30F1906	1134.0	822.0%	-8.6%
VN30F1906	860.0	2.2%	45.5%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MBB	21	6.3	2.4
VPB	20	3.9	2.2
STB	12	4.0	1.2
CTG	19	6.9	0.7
HPG	30	1.2	0.7

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MWG	84	-1	-0.3
MSN	81	0	-0.2
DPM	23	-3	-0.2
VNM	134	0	-0.1
BMP	48	-2	-0.1



Dự báo VN30

Sở giao dịch Hose đã công bố danh mục VN30 kỳ 1/2019 ngày 21/1/2018, chỉ số có hiệu lực vào 4/2/2019, theo đó:

Thêm mới: VHM (Freefloat 25%, giới hạn tỷ trọng VH 47%), VPB (Freefloat 70%), TCB (Freefloat 65%) và HDB (Freefloat 70%)

Loại: PLX, KDC, BMP và HSG

So với dự báo của chúng tôi cách đây 1 tháng: ở chiều vào TCB thay thế TPB và chiều ra PLX, KDC thay cho DHG và DPM.

Dựa trên giá tại thời điểm 21/1/2019, Danh mục cổ phiếu và quỹ E1VFN30 dự kiến thay đổi như sau:

STT	Mã	Tỷ trọng tại 28/12	Tỷ trọng mới	Chênh lệch	Quỹ E1VFN30
1	VNM	10.58%	9.00%	-1.58%	(499,322)
2	VIC	10.80%	7.02%	-3.78%	(1,558,069)
3	VHM	0.00%	4.73%	4.73%	2,476,958
4	TCB	0.00%	9.62%	9.62%	14,800,182
5	MSN	7.84%	6.64%	-1.20%	(628,603)
6	HPG	7.38%	6.46%	-0.92%	(1,312,866)
7	VPB	7.11%	5.62%	-1.49%	(3,150,071)
8	VJC	6.07%	5.32%	-0.75%	(276,196)
9	VRE	5.92%	2.25%	-3.67%	(5,284,552)
10	SAB	4.19%	4.21%	0.02%	3,521
11	MWG	4.31%	3.98%	-0.33%	(166,309)
12	MBB	4.61%	3.78%	-0.82%	(1,651,650)
13	NVL	3.72%	3.42%	-0.30%	(220,243)
14	HDB	0.00%	3.41%	3.41%	4,843,771
15	STB	3.75%	3.35%	-0.40%	(1,430,814)
16	FPT	3.52%	3.18%	-0.34%	(342,216)
17	VCB	3.59%	3.15%	-0.44%	(335,517)
18	EIB	0.00%	2.26%	2.26%	6,358,850
19	PNJ	2.33%	2.04%	-0.29%	(132,639)
20	GAS	1.60%	1.36%	-0.24%	(113,004)
21	SSI	1.53%	1.31%	-0.22%	(367,715)
22	CTG	1.51%	1.18%	-0.33%	(717,672)
23	CTD	1.16%	1.09%	-0.08%	(21,401)
24	GMD	1.26%	1.08%	-0.18%	(285,717)
25	ROS	0.90%	1.08%	0.18%	212,213
26	REE	0.97%	0.86%	-0.11%	(141,430)
27	SBT	1.03%	0.84%	-0.19%	(409,038)
28	CII	0.84%	0.79%	-0.05%	(90,536)
29	DPM	0.57%	0.57%	0.01%	9,566
30	DHG	0.47%	0.42%	-0.04%	(21,781)
31	PLX	1.22%	0.00%	-1.22%	(931,576)
32	KDC	0.53%	0.00%	-0.53%	(1,033,621)
33	BMP	0.36%	0.00%	-0.36%	(318,770)
34	HSG	0.32%	0.00%	-0.32%	(2,055,091)

Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	32.70	0.0%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	15.10	19.8%	11.6	14.5
3	PTB	10/4/2018	64.00	58.40	-8.8%	58.9	73.6
4	PVD	9/1/2019	15.50	15.50	0.0%	14.3	17.8
Trung bình					2.8%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	HCM	18/09/2017	41.9	43.65	4.2%	39.8	50.3
2	CTD	25/12/2018	157.6	149.40	-5.2%	149.7	189.1
Trung bình					-0.5%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	TCB	31/10/2018	26.9	27.4	1.9%	25.0	30.0
2	POW	12/4/2018	15.6	15.4	-1.6%	14.4	18.7
Trung bình					0.1%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	83.7	-0.8%	0.7	1,613	1.6	6,481	12.9	4.4	50.4%	41.2%
PNJ	Bán lẻ	91.7	2.8%	1.0	666	0.6	5,428	16.9	4.4	49.0%	30.0%
BVH	Bảo hiểm	92.0	0.1%	1.3	2,804	0.1	1,728	53.3	4.4	24.8%	8.4%
PVI	Bảo hiểm	33.4	-0.6%	0.8	336	0.1	2,232	15.0	1.2	43.9%	7.8%
VIC	Bất động sản	102.4	0.2%	1.0	14,210	1.8	1,366	74.9	5.9	9.3%	10.3%
VRE	Bất động sản	29.3	0.2%	1.1	2,967	0.6	646	45.4	2.6	31.7%	5.7%
NVL	Bất động sản	57.1	0.2%	0.8	2,310	0.9	2,368	24.1	3.0	6.9%	14.2%
REE	Bất động sản	32.7	1.9%	1.1	441	0.4	5,068	6.5	1.2	49.0%	19.1%
DXG	Bất động sản	23.0	2.0%	1.5	349	0.9	3,042	7.5	1.7	48.6%	25.9%
SSI	Chứng khoán	25.6	1.8%	1.3	567	1.9	2,717	9.4	1.4	58.4%	15.8%
VCI	Chứng khoán	38.9	-0.3%	1.0	276	0.0	4,289	9.1	2.1	41.1%	30.5%
HCM	Chứng khoán	43.7	0.6%	1.4	246	0.6	5,213	8.4	1.8	61.0%	27.8%
FPT	Công nghệ	42.5	1.2%	0.9	1,134	0.5	5,322	8.0	2.2	49.0%	28.9%
FOX	Công nghệ	48.1	0.0%	0.4	473	0.0	3,453	13.9	3.6	0.2%	26.5%
GAS	Dầu khí	90.5	1.7%	1.5	7,531	1.0	6,473	14.0	4.1	3.5%	30.6%
PLX	Dầu khí	55.3	1.7%	1.5	2,786	0.7	3,285	16.8	3.3	10.8%	19.5%
PVS	Dầu khí	18.3	3.4%	1.7	380	2.6	1,747	10.5	0.8	21.2%	7.8%
BSR	Dầu khí	12.2	-9.0%	0.8	1,645	2.7	#N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
DHG	Dược	84.3	0.8%	0.5	479	0.4	4,037	20.9	3.8	48.9%	18.3%
DPM	Hóa chất	22.6	-2.8%	0.8	384	0.4	1,492	15.1	1.1	22.1%	8.1%
DCM	Hóa chất	9.3	-2.2%	0.7	214	0.5	997	9.3	0.8	3.9%	8.6%
VCB	Ngân hàng	55.8	1.8%	1.3	8,998	2.1	3,360	16.6	3.3	20.8%	20.9%
BID	Ngân hàng	32.9	3.6%	1.6	4,883	1.7	2,401	13.7	2.2	3.1%	17.4%
CTG	Ngân hàng	19.5	6.9%	1.7	3,149	9.5	2,064	9.4	1.0	29.3%	11.7%
VPB	Ngân hàng	20.0	3.9%	1.2	2,136	2.2	2,820	7.1	1.6	23.2%	26.9%
MBB	Ngân hàng	21.0	6.3%	1.3	1,973	9.0	2,835	7.4	1.4	20.0%	17.4%
ACB	Ngân hàng	29.5	3.1%	1.2	1,600	2.6	3,498	8.4	1.9	34.3%	25.0%
BMP	Nhựa	48.1	-1.8%	0.9	171	0.2	5,586	8.6	1.6	76.7%	18.5%
NTP	Nhựa	41.0	0.0%	0.4	159	0.0	3,715	11.0	1.7	23.0%	16.6%
MSR	Tài nguyên	18.1	2.3%	1.2	708	0.0	229	79.1	1.4	2.1%	1.8%
HPG	Thép	29.6	1.2%	1.0	2,729	2.5	4,334	6.8	1.6	38.9%	26.7%
HSG	Thép	6.6	0.3%	1.5	110	0.4	1,063	6.2	0.5	15.8%	8.0%
VNM	Tiêu dùng	133.8	-0.1%	0.7	10,130	1.6	4,997	26.8	9.2	59.4%	35.2%
SAB	Tiêu dùng	234.5	0.0%	0.8	6,538	0.0	6,902	34.0	9.0	9.8%	28.5%
MSN	Tiêu dùng	80.8	-0.2%	1.2	4,086	0.9	5,416	14.9	4.8	40.4%	30.9%
SBT	Tiêu dùng	19.7	0.5%	0.6	450	1.1	820	24.0	1.7	11.1%	11.3%
ACV	Vận tải	86.6	1.9%	0.8	8,197	0.1	1,883	46.0	6.9	3.6%	15.9%
VJC	Vận tải	115.2	0.0%	1.1	2,713	1.5	9,463	12.2	5.9	22.9%	67.1%
HVN	Vận tải	36.5	1.4%	1.7	2,251	0.6	1,727	21.1	3.0	9.4%	14.6%
GMD	Vận tải	26.0	1.2%	0.9	336	0.4	6,311	4.1	1.4	49.0%	30.8%
PVT	Vận tải	16.3	-0.3%	0.7	199	0.2	2,165	7.5	1.2	33.3%	16.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	63.0	0.8%	1.0	429	0.6	5,917	10.6	3.6	2.5%	43.2%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.4	1.6%	0.9	378	2.2	1,179	16.5	1.4	24.7%	8.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.1	6.7%	0.8	250	0.5	1,599	9.4	1.2	5.6%	12.2%
CTD	Xây dựng	149.4	1.0%	0.8	490	0.2	20,202	7.4	1.4	47.1%	21.1%
VCG	Xây dựng	21.8	-0.9%	1.2	419	1.7	2,384	9.1	1.5	0.0%	17.6%
CII	Xây dựng	23.7	0.0%	0.5	255	1.0	332	71.3	1.2	55.5%	1.7%
POW	Điện	15.4	1.0%	0.6	1,563	1.2	1,026	15.0	1.3	14.9%	9.1%
NT2	Điện	28.6	2.0%	0.6	358	0.5	2,618	10.9	2.2	22.0%	17.6%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTG	19.45	6.87	1.42	11.45MLN
BID	32.85	3.63	1.20	1.21MLN
VCB	55.80	1.82	1.10	870530.00
GAS	90.50	1.69	0.88	257610.00
MBB	21.00	6.33	0.83	9.97MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	29.50	3.15	1.12	2.08MLN
SHB	7.20	2.86	0.21	7.80MLN
PVS	18.30	3.39	0.15	3.27MLN
DBC	26.90	7.60	0.10	70600.00
DGC	44.00	4.51	0.08	148500.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HNG	13.30	-5.67	-0.19	281280.00
VNM	133.80	-0.15	-0.11	279380.00
MWG	83.70	-0.83	-0.09	440920.00
DPM	22.55	-2.80	-0.08	443150.00
MSN	80.80	-0.25	-0.07	266000.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TV2	116.20	-5.45	-0.03	56700.00
DP3	71.30	-9.97	-0.03	112200.00
HUT	3.60	-2.70	-0.02	1.49MLN
VIX	8.50	-3.41	-0.02	26000.00
VC3	22.50	-3.02	-0.02	309200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CMG	26.80	6.99	0.04	151350.00
NVT	7.06	6.97	0.01	11710.00
CLL	27.80	6.92	0.02	2460.00
VAF	9.74	6.92	0.01	10.00
DAT	8.99	6.90	0.01	20.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPI	0.70	16.67	0.00	109400.00
APP	5.50	10.00	0.00	2200.00
PJC	43.40	9.87	0.01	100.00
VE4	5.60	9.80	0.00	100.00
BAX	24.90	9.69	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CIG	3.19	-7.00	0.00	20.00
HLG	7.86	-6.98	-0.01	50.00
DPG	46.70	-6.97	-0.03	283300.00
APC	33.40	-6.96	-0.01	164280.00
SVT	6.30	-6.94	0.00	10.00

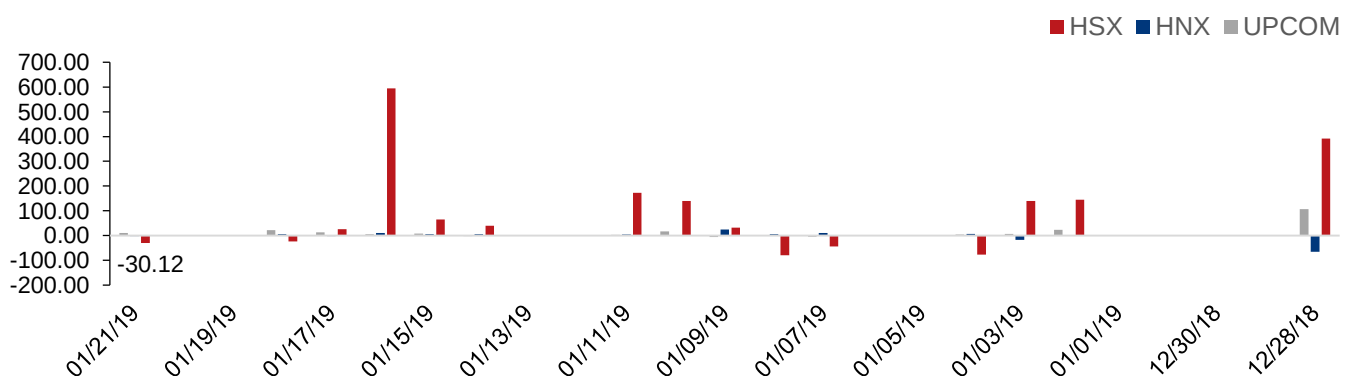
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.80	-11.11	0.00	83900.00
KST	15.30	-10.00	0.00	1900.00
DP3	71.30	-9.97	-0.03	112200.00
SIC	12.00	-9.77	-0.02	500.00
V21	13.20	-9.59	-0.02	200.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
5	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
9	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
10	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
13	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	15.0	127	118.1	1.3	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	28.6	2,618	10.9	2.2	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	15.0	1,102	13.6	1.2	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	25.7	-4,419	#N/A	2.1	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	29.5	3,498	8.4	1.9	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	42.1	5,746	7.3	1.3	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	16.2	1,087	14.9	1.4	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	16.3	2,165	7.5	1.2	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	29.6	4,334	6.8	1.6	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	23.0	3,042	7.5	1.7	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	18.1	3,663	4.9	1.1	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	29.0	5,796	5.0	1.6	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	42.5	5,322	8.0	2.2	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	55.8	3,360	16.6	3.3	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	18.3	1,747	10.5	0.8	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	21.0	2,835	7.4	1.4	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	149.4	20,202	7.4	1.4	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	5.0	-370	#N/A	0.3	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	83.4	18,132	4.6	1.3	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	91.7	5,428	16.9	4.4	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

